

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 327/2023/HC-PT

Ngày 15-5-2023

V/v Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực đất đai về việc bồi
thường, hỗ trợ khi thu hồi đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thụy Vũ;

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Mười;

Ông Lê Văn An

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Thủy Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hữu Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số 863/2022/TLPT-HC ngày 08 tháng 12 năm 2022 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai về việc bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 33/2022/HCST ngày 24 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 215/2022/QĐ-PT ngày 09 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Quảng Văn T, sinh năm 1947. (Có mặt)

Địa chỉ: Số A, đường Đ, Phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Nguyễn Hoàng G – Đoàn Luật sư tỉnh Đ. (Có mặt)

Địa chỉ: D N, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Phan Thành M, Chủ tịch UBND thành phố C. *(Yêu cầu xét xử vắng mặt)*

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn Văn T1 – Phó phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố C. *(Có mặt)*

Địa chỉ: Số C, Đường C, Phường A, thành phố C, Đồng Tháp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Thanh P, Giám đốc Sở T, tỉnh Đồng Tháp. *(Yêu cầu xét xử vắng mặt)*

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hoàng H, Phó trưởng phòng Thăm tra và xác minh đơn, Văn phòng đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ. *(Vắng mặt)*

Ông Tô Trọng H1, viên chức Trung tâm Phát triển quỹ đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ. *(Có mặt)*

Cùng địa chỉ: Số E, đường H, Phường B, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp,

2. Ủy ban nhân dân tỉnh Đ. *(Yêu cầu xét xử vắng mặt)*

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ. *(Yêu cầu xét xử vắng mặt)*

Địa chỉ: Số A, đường C T, Phường A, thành phố C, Đồng Tháp.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C. *(Yêu cầu xét xử vắng mặt)*

Địa chỉ: Số C, đường C T, Phường A, thành phố C, Đồng Tháp.

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện ông Quảng Văn T..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện ông Quảng Văn T trình bày như sau:

Ông T có phần đất diện tích 10.452,8m² thuộc thửa số 14, tờ bản đồ số 22/BĐĐC, tọa lạc tại Phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp sử dụng ổn định, hợp pháp được Nhà nước công nhận thể hiện theo Quyết định số 266/QĐ-UBND-ND ngày 16/8/2011 của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Đồng Tháp. Năm 1999, UBND tỉnh Đ ban hành quyết định số 150/QĐ-UBND ngày 19/3/1999 về việc thu hồi phần đất của ông T diện tích 1.680m² và giao cho Bảo hiểm Y tế (BHYT) Đồng Tháp để xây dựng trụ sở. Sau đó, từ năm 2012 đến năm 2017 UBND thành phố C tiếp tục ban hành nhiều quyết định để thu hồi và điều chỉnh nhiều phần đất của ông T (với tổng diện tích là 4.141,6m²) để thực hiện dự án Khu Hành chính và Thương mại - Dịch vụ P1, thành phố C làm bờ kè, cống, đường và Trụ sở làm việc của nhiều cơ quan, đơn vị kinh tế cụ thể như: Quyết định số 06/QĐ-UBND ngày 12/01/2012 và Quyết định số 375/QĐ-UBND ngày 06/6/2012 về việc thu

hồi diện tích đất 811,5m² để làm Dự án bờ kè rạch Cầu Dây; Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 12/01/2012 và Quyết định số 376/QĐ-UBND ngày 06/6/2012 về việc thu hồi diện tích đất 1.333,5m² để làm Dự án đường rạch Cầu Dây; Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 12/01/2012 về việc thu hồi diện tích đất 896,5m² để làm Trụ sở Trung tâm Kỹ thuật thí nghiệm đo lường chất lượng tỉnh Đ; Quyết định số 25/QĐ-UBND ngày 06/3/2017 về việc thu hồi diện tích đất 871,2m² để làm Trụ sở Ngân hàng Á và Quyết định số 26/QĐ-UBND ngày 06/3/2017 về việc thu hồi diện tích đất 228,9m² để làm Trụ sở Bảo hiểm xã hội (BHXH) tỉnh Đồng Tháp.

Cùng với việc thu hồi các diện tích đất trên, UBND thành phố C đã ban hành các quyết định áp giá bồi thường, hỗ trợ do thu hồi đất để thực hiện các dự án. Qua 03 lần bồi thường với tổng giá trị là 12.346.369.000đ. Bao gồm các quyết định số 22/QĐ-UBND.NĐ ngày 19/01/2012 bồi thường, hỗ trợ lần 1 với số tiền là 6.919.940.000đ, ông đã tạm nhận số tiền bồi thường 3.381.422.000đ vào ngày 20/01/2012; Quyết định số 554/QĐ-UBND ngày 06/8/2012 bồi thường, hỗ trợ bổ sung lần 1 với số tiền là 417.125.000đ, ông đã nhận số tiền bồi thường 696.125.000đ vào ngày 15/8/2012 và Quyết định số 146/QĐ-UBND ngày 22/3/2017 bồi thường, hỗ trợ bổ sung lần 2 với số tiền là 5.009.304.000đ và 3.259.518.000đ, ông đã nhận số tiền bồi thường 8.268.822.000đ vào ngày 28/4/2017. Tổng số tiền ông T đã nhận bồi thường về đất và tài sản trên đất xong là 12.346.369.000đ.

UBND thành phố Cao Lãnh lấy cơ sở phê duyệt lại Công văn số: 909/UBND-KTN ngày 07/12/2016 của UBND Tỉnh làm căn cứ hỗ trợ, bồi thường là chưa phù hợp. Vì dự án nêu trên tiếp giáp 02 con đường trở lên thì được áp dụng tính theo đường có giá trị cao nhất trên cùng vị trí. Như vậy, Khu Hành chính và Thương mại - Dịch vụ P1, thành phố C có sự tiếp giáp 02 con đường là đường Đặng Văn B và đường L mà đường L có giá trị cao hơn thì phải áp giá bồi thường theo đường L thì mới thỏa đáng và phù hợp, căn cứ theo Quyết định số 29/2009/QĐ-UBND ngày 23/12/2009 của UBND Tỉnh và theo Kết luận, chỉ đạo của Chủ tịch Tỉnh ông Lê Minh H2 thì phải lấy đường L để làm căn cứ xác định giá trị bồi thường cho ông T thể hiện theo Thông báo số 197/TB-VPUBND ngày 02/8/2012 của Văn phòng UBND tỉnh Đ. Tuy nhiên, vụ việc không được các cơ quan chức năng thực hiện theo Kết luận. Ông T đã có khiếu nại đến Bộ T2 thì theo Văn thư số: 3510 ngày 22/8/2016 và Công văn số: 442/TTr-TDXLĐT ngày 07/9/2016 của Thanh tra Bộ T2 trả lời đồng ý thực hiện theo Kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh Đ ông Lê Minh H2. Đồng thời Trung tâm P2 cũng đồng ý đề xuất lấy giá đất của đường L làm cơ sở hỗ trợ, bồi thường theo Công văn số: 197/TB-VPUBND ngày 02/8/2012.

Ông T yêu cầu Tòa án hủy các quyết định hành chính gồm: Quyết định số 22/QĐ-UBND.NĐ ngày 19/01/2012 về việc bồi thường, hỗ trợ do thu hồi đất để thực hiện dự án Khu Hành chính và Thương mại - Dịch vụ, Phường A, thành phố C, Đồng Tháp (viết tắt là Quyết định số 22/QĐ-UBND.NĐ ngày 19/01/2012 (bồi thường lần 1)); Quyết định số 554/QĐ-UBND ngày 06/8/2012 về việc bồi thường,

hỗ trợ và tái định cư điều chỉnh, bổ sung (lần 1) Dự án Khu Hành chính và Thương mại - D, Phường A, thành phố C (viết tắt là Quyết định số 554/QĐ-UBND ngày 06/8/2012 (bồi thường, bổ sung lần 1)) và Quyết định số 146/QĐ-UBND ngày 22/3/2017 về việc bồi thường, hỗ trợ (điều chỉnh, bổ sung lần 2) thuộc Dự án Khu Hành chính và Thương mại - Dịch vụ (Trong đó có BHXH Tỉnh và Ngân hàng Á) (viết tắt là Quyết định Số: 146/QĐ-UBND ngày 22/3/2017 (bồi thường, bổ 2)) của UBND thành phố Cao Lãnh do bồi thường chưa đúng giá. Yêu cầu UBND thành phố C phải lấy đơn giá của đường L để ra quyết định bồi thường, hỗ trợ cho ông T để đảm bảo phù hợp pháp luật và hỗ trợ 50% bình quân 03 vị trí đất ở mới thỏa đáng. Căn cứ vào Quyết định thu hồi đất để thực hiện Khu Hành chính và Thương mại - Dịch vụ Phường A, thành phố C thì mặc dù diện tích đất bị thu hồi 4.141,6m² của ông Thịnh không có cạnh nào tiếp giáp đường L mà chỉ có cạnh tiếp giáp đường Đ, tuy nhiên phần đất bị thu hồi của ông T nằm trong khu dự án Khu Hành chính và Thương mại - Dịch vụ P1, thành phố C có cạnh tiếp giáp đường L.

Đại diện hợp pháp bị đơn UBND thành phố C có văn bản trình bày như sau:

Đối với việc thu hồi đất của ông Quảng Văn T thì ông T đã thống nhất nhận các Quyết định thu hồi đất và nhận toàn bộ tiền bồi thường xong. UBND thành phố C ban hành Quyết định số 22/QĐ-UBND.NĐ ngày 19/01/2012 là áp dụng theo Quyết định số 29/2009/QĐ-UBND ngày 23/12/2009 về việc quy định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và Quyết định số 35/2011/QĐ-UBND ngày 27/12/2011 về việc ban hành quy định giá đất năm 2012 của UBND tỉnh Đ tại thời điểm thu hồi đất để áp giá bồi thường. Đối với Quyết định số 554/QĐ-UBND ngày 06/8/2012 thì chỉ tăng giảm về diện tích đất bồi thường, điều chỉnh theo Quyết định số 06/QĐ-UBND và Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 12/01/2012, về giá vẫn áp dụng theo Quyết định số 35/2011/QĐ-UBND ngày 27/12/2011 việc này ông T đã thống nhất. Chỉ có Quyết định số 09/QĐ-UBND ngày 12/01/2012 và Quyết định số 377/QĐ-UBND ngày 06/6/2012 (đã bị hủy bằng Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 04/4/2014) thì ông Thịnh k đồng ý, nên đã khiếu nại, UBND thành phố C đã giải quyết khiếu nại, sau đó Văn phòng UBND tỉnh Đ mới ban hành Thông báo số 97/TB-VPUBND ngày 25/4/2012. Còn đối với Quyết định số 146/QĐ-UBND ngày 22/3/2017 thì UBND thành phố C căn cứ theo một phần của Thông báo số 48/TB-VPUBND ngày 20/02/2014, Thông báo số 212/TB-VPUBND ngày 15/7 2016 của Văn phòng UBND Tỉnh và Công văn số: 909/UBND-KTN ngày 07/12/2016 của UBND Tỉnh về việc phê duyệt đơn giá đất để lập phương án bồi thường đất cho ông Quảng Văn T để áp dụng khung giá tại thời điểm bồi thường, căn cứ vào văn bản chỉ đạo của UBND Tỉnh về giá để bồi thường bổ sung là lấy đường Đặng Văn B, còn trước đó là căn cứ Quyết định số 35/2011/QĐ-UBND ngày 27/12/2011 về giá và Quyết định số 29/2009/QĐ-UBND ngày 23/12/2009 về vị trí, tại thời điểm bồi thường là 4 vị trí. Đối với diện tích đất thu hồi của ông T là 4.141,6m² thì không có cạnh nào tiếp giáp đường L mà chỉ có cạnh tiếp giáp đường Đặng Văn

B như trình bày của ông T, nên không có cơ sở để áp giá theo đường L để bồi thường theo yêu cầu của ông T.

UBND thành phố C không đồng ý hủy Quyết định số 22/QĐ-UBND.NĐ ngày 19/01/2012 (bồi thường lần 1); Quyết định số 554/QĐ-UBND ngày 06/8/2012 (bồi thường bổ sung lần 1) và Quyết định số 146/QĐ-UBND ngày 22/3/2017 (bồi thường bổ sung lần 2) của UBND thành phố C mà ông T đã khởi kiện do UBND thành phố C đã làm đúng theo trình tự thủ tục, nên yêu cầu Tòa án giữ nguyên các quyết định của UBND thành phố C đã ban hành như nêu trên.

Đại diện hợp pháp người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ có văn bản trình bày như sau:

Việc ông Quảng Văn T khởi kiện yêu cầu hủy bỏ hay điều chỉnh các Quyết định bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất của UBND thành phố C, phải bồi thường theo đường L và hỗ trợ 50% bình quân 03 vị trí đất là không có cơ sở. Bởi vì, đất của ông T bị thu hồi không có phần đất nào có cạnh giáp đường L. Trung tâm P2 (Nay là Trung tâm phát triển Quỹ đất trực thuộc Sở T) đề xuất với UBND thành phố C bồi thường, hỗ trợ cho ông T theo Quyết định số 22/QĐ-UBND.NĐ ngày 19/01/2012, Quyết định số 554/QĐ-UBND ngày 06/8/2012 và Quyết định số 146/QĐ-UBND ngày 22/3/2017 bồi thường theo đường Đặng Văn B và lấy mức bình quân của 4 vị trí đất là phù hợp. Sở T đại diện hợp pháp của Trung tâm phát triển Quỹ đất thống nhất với ý kiến của UBND thành phố C, căn cứ theo Quyết định số 35/2011/QĐ-UBND ngày 27/12/2011 về giá và Quyết định số 29/2009/QĐ-UBND ngày 23/12/2009 về vị trí để lập phương án bồi thường cho ông T. Khi ông T có khiếu nại về giá, Trung tâm Phát triển Quỹ đất có ghi nhận và có mời ông T đến trao đổi, đồng thời có mời Hội đồng họp trao đổi với các ngành để báo cáo cho UBND tỉnh xem xét giải quyết việc bồi thường. Trung tâm phát triển Quỹ đất đã thực hiện theo chỉ đạo và đúng theo quy định của pháp luật.

Sở T đại diện Trung tâm Phát triển Quỹ đất không thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của ông T và thống nhất theo ý kiến của UBND thành phố C, đề nghị Tòa án giữ nguyên các quyết định của UBND thành phố C.

UBND và Chủ tịch UBND tỉnh Đ cung cấp cho Tòa án văn bản ý kiến số: 180/UBND-TCD-NC ngày 13/5/2022 trình bày như sau:

Căn cứ pháp luật để UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định số 266/QĐ-UBND.NĐ ngày 16/8/2011 về việc giải quyết khiếu nại của ông Quảng Văn T và Quyết định số 836/QĐ-UBND.HC ngày 09/6/2006 về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng Khu Hành chính và Thương mại - Dịch vụ, Phường A, thị xã C (nay là thành phố C) của UBND Tỉnh đã được nêu rõ tại các Quyết định nêu trên.

Đối với Quyết định số 266/QĐ-UBND.NĐ ngày 16/8/2011 của UBND Tỉnh về việc giải quyết khiếu nại của ông Quảng Văn T, ông T đã nhận, đã biết nội dung của Quyết định. Căn cứ điểm a, khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính quy định: “01 năm kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định hành chính”, như vậy, thời hiệu khởi kiện đối với Quyết định số 266/QĐ-UBND.NĐ

ngày 16/8/2011 của UBND của UBND tỉnh Đ đã hết. UBND Tỉnh đề nghị Tòa án xét xử vụ kiện theo quy định của pháp luật.

Chủ tịch UBND thành phố C cung cấp cho Tòa án văn bản ý kiến số: 2108/UBND-TNMT ngày 16/9/2022 trình bày như sau:

Việc ban hành Quyết định số 33/QĐ-UBND.HC ngày 17/8/2012 và Quyết định số 38/QĐ-UBND.HC ngày 29/11/2012 của Chủ tịch UBND thành phố C về việc giải quyết khiếu nại của ông Quảng Văn T là đúng theo quy định của Luật Khiếu nại năm 2011.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 33/2022/HCST ngày 24 tháng 9 năm 2022, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã quyết định:

Căn cứ: Điều 30, 32, 143, 173, 193; khoản 1 Điều 348 Luật tổ tụng hành chính 2015; Điều 22, 66, 69, 74 và Điều 75 Luật Đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 18; khoản 2 Điều 21 Luật Khiếu nại năm 2011; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 32 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Quảng Văn T yêu cầu hủy Quyết định số 22/QĐ-UBND.NĐ ngày 19/01/2012 (bồi thường lần 1); Quyết định số 554/QĐ-UBND ngày 06/8/2012 (bồi thường bổ sung lần 1) và Quyết định số 146/QĐ-UBND ngày 22/3/2017 (bồi thường bổ sung lần 2) của UBND thành phố C

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 03/10/2022, người khởi kiện ông Quảng Văn T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào mới. Đồng thời khẳng định phần đất bị thu hồi của ông không có tiếp giáp với đường Đặng Văn B hoặc L nên áp giá bồi thường theo đường Đặng Văn B là không bảo đảm quyền lợi của ông.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm do đã xét xử có căn cứ. Đối với vấn đề cho rằng vị trí đất thu hồi của ông T tiếp giáp đường L thì có bản đồ quy hoạch thể hiện không đúng như ông T trình bày, việc áp dụng phương án bồi thường đã xem xét trên cơ sở phương án có lợi nhất cho người có đất bị thu hồi.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người khởi kiện yêu cầu xem xét thẩm định tại chỗ đối với hiện trạng đất bị thu hồi để có căn cứ đánh giá đúng thực tế về vị trí đất tiếp giáp có phản ánh chính xác trong Bản đồ quy hoạch hay

không; đồng thời cần xem xét vì sao đã có kết luận của Thanh tra Chính phủ, có văn bản chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc lấy đơn giá bồi thường của đường Lý Thường Kiệt nhưng Ủy ban nhân dân thành phố C vẫn không thực hiện theo. Việc áp dụng Quyết định số 35/2011/QĐ-UBND ngày 27/12/2011 để xác định giá đất bồi thường tại thời điểm thu hồi mà không áp dụng Quyết định số 34/2014/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ cũng sai quy định làm thiệt thòi quyền lợi của ông T. Nếu không thực hiện thẩm định đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông T hoặc hủy án sơ thẩm để xét xử lại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm đã tuân thủ đúng quy định. Kháng cáo của ông T trong thời hạn luật định, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo: đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm do đã xét xử có căn cứ, đúng pháp luật, người khởi kiện không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới nên không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức: Án sơ thẩm đã xác định loại vụ việc, quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết đúng quy định Luật Tố tụng Hành chính. Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuân thủ các quy định về thủ tục tố tụng, quyền lợi tố tụng của các đương sự được bảo đảm. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, các chứng cứ được thu thập đã đủ cơ sở để giải quyết toàn bộ các vấn đề của vụ án.

[2] Về nội dung:

Ông Quảng Văn T khởi kiện yêu cầu hủy các quyết định hành chính gồm Quyết định số 22/QĐ-UBND.NĐ ngày 19/01/2012 (bồi thường lần 1) của Ủy ban nhân dân thành phố C về việc bồi thường, hỗ trợ thu hồi đất để thực hiện dự án Khu hành chính và Thương mại – dịch vụ Phường A, thành phố C; Quyết định số 554/QĐ-UBND ngày 06/8/2012 (bồi thường bổ sung lần 1) và Quyết định số 146/QĐ-UBND ngày 22/3/2017 (bồi thường bổ sung lần 2) của UBND thành phố C; yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố C phải lấy đơn giá của đường L để ra quyết định bồi thường cho ông và hỗ trợ với mức 50% bình quân 03 vị trí đất ở.

Xét tính có căn cứ và hợp pháp của các quyết định hành chính bị kiện thấy rằng:

- Về thẩm quyền, trình tự thủ tục ban hành:

Trên cơ sở Quyết định số 836/QĐ-UBND.HC ngày 09/6/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ về phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng Khu hành chính và Thương mại – dịch vụ Phường A, thành phố C với diện tích 25.690m² – trong đó có diện tích 10.452,8m² đất của ông T (được Ủy ban nhân dân tỉnh Đ công nhận theo Quyết định số 266/QĐ-UBND.NĐ ngày 16/8/2011) thì năm 1999, Ủy ban nhân dân tỉnh Đ đã ban hành Quyết định số 150/QĐ-UBND ngày 19/3/1999 về việc thu hồi một phần đất của ông T, diện tích 1.680m² để xây dựng trụ sở Bảo hiểm Y tế - phần này đã được thực hiện xong và được ông T thống nhất.

Đối với diện tích đất còn lại, Ủy ban nhân dân thành phố C tiếp tục có quyết định thu hồi và trong thời gian từ năm 2012 đến 2017, Ủy ban nhân dân thành phố C ban hành nhiều quyết định để thu hồi và điều chỉnh nhiều phần đất của ông T với tổng diện tích đất 4.141,6m² để làm kè, cống, đường và trụ sở làm việc của nhiều cơ quan, đơn vị kinh tế. Cùng với các quyết định thu hồi đất trên, Ủy ban nhân dân thành phố C ra các quyết định áp giá bồi thường, hỗ trợ do thu hồi đất. Qua 03 lần ban hành các quyết định có liên quan đến công tác bồi thường, tổng giá trị bồi thường là 12.346.369.000 đồng. Quá trình thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được thực hiện đúng quy định của Luật Đất đai năm 2003, Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ quy định về việc bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; Quyết định số 29/2009/QĐ-UBND ngày 23/12/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp; Quyết định số 35/2011/QĐ-UBND ngày 27/12/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ về việc ban hành quy định giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp áp dụng năm 2012. Qua đó, thẩm quyền ban hành quyết định là đúng quy định của Luật Đất đai năm 2003, Luật Đất đai năm 2013. Ủy ban nhân dân thành phố C đã ban hành các quyết định thu hồi đất; phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; kiểm tra xác định khối lượng – giá trị bồi thường, hỗ trợ; đưa ra các phương án bồi thường và thực hiện niêm yết, giao các văn bản về việc thu hồi đất, bồi thường đầy đủ cho ông T.

Về nội dung, Quyết định số 22/QĐ-UBND.NĐ ngày 19/01/2012 (bồi thường lần 1) của Ủy ban nhân dân thành phố C được xác định đơn giá áp dụng để bồi thường, hỗ trợ về đất là đúng theo quy định của khoản 2 Điều 14 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP quy hoạch 13/8/2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; Quyết định số 29/2009/QĐ-UBND ngày 23/12/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp; Quyết định số 35/2011/QĐ-UBND ngày 27/12/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ về việc ban hành quy định giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp áp dụng năm 2012. Tổng giá trị bồi thường được xác định là 6.919.940.000 đồng.

Đối với Quyết định số 554/QĐ-UBND ngày 06/8/2012 (bồi thường bổ sung lần 1) có nội dung điều chỉnh tăng giảm diện tích đất thu hồi tại dự án Bờ kè rạch Cầu D và dự án Đường R. Các chính sách, đơn giá bồi thường, hỗ trợ về đất vẫn được thực hiện theo Quyết định số 22/QĐ-UBND.NĐ ngày 19/01/2012 nên cũng vẫn đảm bảo đúng quy định của các văn bản đã viện dẫn trên.

Đối với Quyết định số 146/QĐ-UBND ngày 22/3/2017 (bồi thường bổ sung lần 2) của UBND thành phố C có nội dung điều chỉnh theo hướng tăng giá đất vì có sự điều chỉnh về giá đất bồi thường theo Công văn số 909/UBND-KTN ngày 07/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ do hai dự án Ngân hàng Á và Bảo hiểm xã hội tỉnh được thu hồi đất vào năm 2017 nên giá được áp dụng tại thời điểm có quyết định thu hồi đất – trong khi trước đó căn cứ vào đơn giá đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp áp dụng trong năm 2012. Việc áp dụng giá tại thời điểm thu hồi để bồi thường cho ông T là đúng quy định.

Ông T yêu cầu được lấy đơn giá của đường L để bồi thường nhưng căn cứ vào sơ đồ và vị trí đất thực tế đất của ông đã thu hồi thì ngoài hiện trạng khu đất không có cạnh nào tiếp giáp với đường L mà tiếp giáp đường Đặng Văn B. Theo quy định tại khoản 2 Điều 5 và khoản 3 Điều 7 Quyết định số 35/2011/QĐ-UBND ngày 27/12/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ thì yêu cầu này không phù hợp nên Ủy ban nhân dân thành phố C đã lấy đơn giá của đường Đ để ra quyết định bồi thường là đúng thực tế sử dụng đất.

Ông T yêu cầu hỗ trợ 50% bình quân 03 vị trí đất ở cho ông nhưng yêu cầu này không phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 15 Quyết định số 29/2009/QĐ-UBND ngày 23/12/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ. Theo trình bày của đại diện người bị kiện, căn cứ khoản 3 Điều 7 Quyết định số 35/2011/QĐ-UBND ngày 27/12/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ về phân loại vị trí đất trong mỗi loại đường phố để phân thành 04 vị trí đất và hỗ trợ theo quyết định này bằng 50% bình quân 04 vị trí đất cho ông T là có lợi hơn cho người được bồi thường, so với khi áp dụng theo Quyết định số 34/2014/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ nên việc hỗ trợ như trên là thỏa đáng.

Như vậy, án sơ thẩm đã tuyên xử không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của ông T là có căn cứ.

[3] Về yêu cầu kháng cáo:

Ông T kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T yêu cầu thẩm định tại chỗ để xem xét về vị trí thửa đất bị thu hồi; hoặc hủy án sơ thẩm với lý do thu thập chứng cứ không đầy đủ, đánh giá chứng cứ không đúng thực tế sử dụng. Xét án sơ thẩm đã thực hiện các thủ tục tố tụng đầy đủ và tuyên xử có căn cứ, đúng pháp luật. Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm không có chứng cứ, tài liệu nào mới nên không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo. Hội đồng xét xử chấp nhận theo ý kiến của Kiểm sát viên, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ông T được miễn án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm do là người cao tuổi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Quảng Văn T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ:

Điều 30, 32, 143, 173, 193, khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính 2015;

Điều 22, 66, 69, 74 và Điều 75 Luật Đất đai năm 2013;

Khoản 1 Điều 18, khoản 2 Điều 21 Luật Khiếu nại năm 2011;

Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Quảng Văn T yêu cầu hủy Quyết định số 22/QĐ-UBND.NĐ ngày 19/01/2012 (bồi thường lần 1); Quyết định số 554/QĐ-UBND ngày 06/8/2012 (bồi thường bổ sung lần 1) và Quyết định số 146/QĐ-UBND ngày 22/3/2017 (bồi thường bổ sung lần 2) của UBND thành phố C.

Ông T được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại TP.HCM (1);
- TAND tỉnh Đồng Tháp (1);
- VKSND tỉnh Đồng Tháp (1);
- Cục THADS tỉnh Đồng Tháp (1);
- ĐS (5);
- Lưu VP(3), HS(2).16b.NHT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thụy Vũ